

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2019/HS-ST
Ngày 30 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Hoàng Văn Hào

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Nguyên Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐ-HPT ngày 25/9/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 28/TB-TA ngày 11/10/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên **Nguyễn Thị P** - sinh ngày 15/5/1976 tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Tên gọi khác: không; Trú quán: xóm 4, xã Đ, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình H và bà Phạm Thị Đ; đã ly hôn và có 04 con; Tiền án: không; tiền sự: không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2019 đến ngày 05/6/2019 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Phương T - sinh năm 1989.

Nơi cư trú: xóm 11 xã T, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ công tác: Cục kỹ thuật Quân khu IV, xóm 10, xã X, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Nguyễn Thị Th – sinh năm 1994
Địa chỉ: xóm B, xã G, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt tại phiên tòa.
- Anh Lê Kim Đ – sinh năm 1990
Địa chỉ: xóm 2, xã Đ, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt tại phiên tòa.
- Anh Trần Quý H – sinh năm 1984
Địa chỉ: xã T, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.
Nơi công tác: trung đoàn 1, xã G, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt tại phiên tòa.
- Anh Đinh Xuân T – sinh năm 1978
Địa chỉ: xóm 2 xã L, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt tại phiên tòa.
- Anh Nguyễn Quang Th – sinh năm 1987
Địa chỉ: thôn D, xã V, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
Vắng mặt tại phiên tòa.
- Chị Đinh Thị H – sinh năm 1968
Địa chỉ: xóm B, xã G, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt tại phiên tòa.
- Anh Đậu T – sinh năm 1967
Địa chỉ: xóm N, xã G, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.
Có mặt tại phiên tòa.
- Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1989
Địa chỉ: xóm N, xã G, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt tại phiên tòa.
- Chị Phạm Thị H – sinh năm 1973
Địa chỉ: thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt tại phiên tòa.
- Anh Nguyễn Viết Đ – sinh năm 1993
Địa chỉ: xóm B, xã G, huyện Thanh Chương, Nghệ An.
Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Văn H – sinh năm 1982

Địa chỉ: thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Cảnh H – sinh năm 1985

Địa chỉ: thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Nguyên D – sinh năm 1981

Địa chỉ: xóm 4 xã Đ, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Lê Văn Th - sinh năm 1978

Địa chỉ: xã T, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi công tác: Ban tham mưu trung đoàn 335, xã T, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Duy V – sinh năm 1976

Địa chỉ: xóm 8, xã L, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Đặng Hồng S – sinh năm 1985.

Địa chỉ: xóm 9, xã T, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Nơi công tác: Trung đoàn 33 xã T, huyện Anh Sơn, Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Lê Thị H – sinh năm 1980

Địa chỉ: xóm 9, xã X, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Trọng D – sinh năm 1986

Địa chỉ: xóm 11 xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Phan Công H – sinh năm 1990

Địa chỉ: Sư đoàn 324, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Nguyễn Thị Ph – sinh năm 1973

Địa chỉ: xóm 7 xã Đ, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Đặng Đình T – sinh năm 1988

Địa chỉ: xóm 4 xã Đ, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn X – sinh năm 1989

Địa chỉ: xóm 10, xã T, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo tố cáo của người dân, Công an huyện Đô Lương đã tiến hành bắt khẩn cấp và thu giữ 07 cuốn sổ ghi chép việc vay – trả tiền cùng 01 điện thoại di động hiệu Nokia230 màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S8 màu đồng của Nguyễn Thị P. Qua đối chiếu sổ, lời khai nhận của P, những người vay tiền và điều tra xác minh đã xác định được liên tục từ thời gian 01/12/2017 cho đến ngày 10/4/2019, Nguyễn Thị P đã cho một số người vay tiền với mức lãi suất 108%/năm, 120%/năm và 144%/năm, vượt quá 5 lần mức lãi suất pháp luật cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm), cụ thể:

- Ngày 01/12/2017, cho chị Nguyễn Thị Th vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm. P đã thu lãi tháng 02, tháng 3/2018 là 5.400.000 đồng (lãi trong giới hạn là 1.000.000 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **4.400.000 đồng**. Chị Th đã trả số tiền gốc 30.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 30/3/2018 cho anh Lê Kim Đ vay số tiền 45.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm. P đã thu lãi 10 tháng là 40.500.000 đồng (lãi trong giới hạn là 7.500.000 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **33.000.000 đồng**. Anh Đ đã trả số tiền gốc 45.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 05/4/2018 cho chị Đình Thị H vay số tiền 22.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm. P đã thu lãi 13 tháng là 25.740.000 đồng (lãi trong giới hạn là 4.766.667 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **20.973.333 đồng**. Chị H đã trả số tiền gốc 22.000.000 đồng cho bị cáo.

- Từ ngày 15/7/2018 đến ngày 31/8/2018, cho anh Đậu T vay nhiều lần tổng số tiền là 100.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm và 4.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 144%/năm. P đã thu lãi đến tháng 12/2018 là 30.240.000 đồng (lãi trong giới hạn là 5.266.667 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **24.973.333 đồng**. Anh T đã trả được tiền gốc 25.000.000 đồng và còn nợ bị cáo 75.000.000 đồng.

- Ngày 21/8/2018 cho chị Nguyễn Thị T vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm. P đã thu lãi 9 tháng là 24.300.000 đồng (lãi trong giới hạn là 4.500.000 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **19.800.000 đồng**. Chị T đã trả số tiền gốc 30.000.000 đồng cho bị cáo.

- Trong năm 2018 cho đến ngày 07/10/2018, cho chị Phạm Thị H vay 04 lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm. P đã thu lãi đến tháng 12/2018 là 28.800.000 đồng (lãi trong giới hạn là 5.333.333 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **23.466.667 đồng**. Chị H chưa trả số tiền gốc 200.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 22/10/2018 cho anh Nguyễn Viết Đ vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm. P đã thu lãi 6 tháng là 5.400.000 đồng (lãi trong giới hạn là 1.000.000 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **4.400.000 đồng**. Anh Đ chưa trả số tiền gốc 10.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 23/10/2018 cho anh Nguyễn Văn H vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm. Phụng đã thu lãi 6 tháng là 21.600.000 đồng (lãi trong giới hạn là 1.000.000 đồng), nên mức tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **17.600.000 đồng**. Anh H chưa trả số tiền gốc 40.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 25/10/2018 cho anh Đinh Xuân T vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm. P đã thu lãi 06 tháng là 5.400.000 đồng, (lãi trong giới hạn là 1.000.000 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **4.400.000 đồng**. Anh T đã trả hết số tiền gốc 10.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 30/10/2018 cho anh Nguyễn Cảnh H vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm. P đã thu lãi 03 tháng là 27.000.000 đồng (lãi trong giới hạn là 5.000.000 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **22.000.000 đồng**. Anh H đã trả số tiền gốc 40.000.000 đồng cho bị cáo và còn nợ tiền gốc 60.000.000 đồng.

- Ngày 09/11/2018 cho anh Nguyễn Quang Th vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 144%/năm. P đã thu lãi 4 tháng là 19.200.000 đồng (lãi trong giới hạn là 2.666.667 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **16.533.333 đồng**. Anh Th chưa trả số tiền gốc 40.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 19/11/2018, ngày 04/12/2018 và ngày 17/01/2019, cho anh Trần Quý H lần lượt vay số tiền 30.000.000 đồng + 10.000.000 đồng + 20.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 144%/năm. P đã thu lãi đến tháng 3/2019 là 20.800.000 đồng (lãi trong giới hạn là 1.166.667 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **19.633.333 đồng**. Anh H đã trả hết số tiền gốc 60.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 05/12/2018 cho anh Nguyễn Nguyên D vay số tiền 65.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm. P đã thu lãi 04 tháng là 23.400.000 đồng (lãi trong giới hạn là 4.333.333 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **19.066.667 đồng**. Anh D đã trả hết số tiền gốc 65.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 23/12/2018 và ngày 31/01/2019 cho anh Lê Văn Th vay lần lượt số tiền 20.000.000 đồng + 25.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 144%/năm. P đã thu lãi đến tháng 3/2019 là 13.200.000 đồng (lãi trong giới hạn là 1.833.333 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **11.366.667 đồng**. Anh Th đã trả hết số tiền gốc 45.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 23/01/2019 và ngày 01/02/2019 cho anh Nguyễn Phương T vay lần lượt số tiền 15.000.000 đồng + 25.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm. P đã thu lãi đến tháng 3/2019 là 6.250.000 đồng (lãi trong giới hạn là 1.583.333 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **4.666.667 đồng**. Anh Th chưa trả số tiền gốc 40.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 24/01/2019 và ngày 15/3/2019 cho anh Nguyễn Duy V vay lần lượt số tiền 15.000.000 đồng + 5.000.000 đồng, lãi suất 120%/năm. P đã thu lãi 02 tháng là 3.500.000 đồng (lãi trong giới hạn là 583.333 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **2.916.667 đồng**. Anh V đã trả hết số tiền gốc 20.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 24/01/2019 cho anh Đặng Hồng S vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm. P đã thu lãi 02 tháng là 7.800.000 đồng (lãi trong giới hạn là 1.666.667 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **6.133.333 đồng**. Anh S chưa trả số tiền gốc 50.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 03/02/2019 cho chị Lê Thị H vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm. P đã thu lãi 03 tháng là 3.600.000 đồng (lãi trong giới hạn là 500.000 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **3.100.000 đồng**. Chị H chưa trả số tiền gốc 10.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 07/02/2019 cho anh Nguyễn Trọng D vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 144%/năm. P đã thu lãi 02 tháng là 9.600.000 đồng (lãi trong giới hạn là 1.333.333 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **8.266.667 đồng**. Anh D đã trả hết số tiền gốc 40.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 26/02/2019 cho anh Phan Công H vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 144%/năm. P đã thu lãi 02 tháng là 4.800.000 đồng (lãi trong giới hạn là 666.667 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **4.133.333 đồng**. Anh H đã trả hết số tiền gốc 20.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 27/02/2019 và ngày 01/4/2019 cho chị Nguyễn Thị Ph vay lần lượt số

tiền 7.000.000 đồng + 3.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm. P đã thu lãi 1.530.000 đồng (lãi trong giới hạn là 283.333 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **1.246.667 đồng**. Chị Ph chưa trả số tiền gốc 10.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 04/3/2019 cho anh Đặng Đình T vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 108%/năm. P đã thu lãi 02 tháng là 2.600.000 đồng (lãi trong giới hạn là 500.000 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **2.100.000 đồng**. Anh T đã trả số tiền gốc 15.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 10/4/2019 cho anh Nguyễn X vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng = 144%/năm. P đã thu lãi 02 tháng là 1.800.000 đồng (lãi trong giới hạn là 250.000 đồng), tiền lãi vượt quá giới hạn cho phép là **1.550.000 đồng**. Anh X đã trả hết số tiền gốc 15.000.000 đồng cho bị cáo.

Như vậy, tổng số tiền gốc mà P sử dụng cho vay để thu lãi nặng là 1.017.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 275.726.667 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật (20%/năm) là 58.733.333 đồng.

Sau khi được bảo lãnh, P đã hoàn trả số tiền lãi thu lợi bất chính cho những người vay gồm: anh Lê Kim Đ, anh Trần Quý H, anh Đặng Đình T, anh Nguyễn Trọng D, anh Nguyễn Nguyên D, anh Phan Công H, anh Nguyễn Duy V, anh Nguyễn Viết Đ, anh Lê Văn Th, anh Nguyễn X, chị Đinh Thị H, chị Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Cảnh H, anh Đinh Xuân T, anh Đậu T, chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn H, anh Đặng Hồng S, anh Nguyễn Phương T. Còn chị Lê Thị H, chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Quang Th chưa được nhận lại số tiền lãi thu lợi bất chính từ P nhưng những người này không có đơn yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính trong vụ án này.

Đối với số tiền nợ gốc thì P đã thu hồi được 482.000.000 đồng từ chị Đinh Thị H 22.000.000 đồng, anh Đinh Xuân T 10.000.000 đồng, anh Nguyễn Nguyên D 65.000.000 đồng, anh Lê Văn Th 45.000.000 đồng, anh Trần Quý H 60.000.000 đồng, anh Nguyễn Duy V 20.000.000 đồng, anh Nguyễn Trọng D 40.000.000 đồng, anh Phan Công H 20.000.000 đồng, anh Nguyễn X 15.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Th 30.000.000 đồng, anh Lê Kim Đ 45.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T 30.000.000 đồng, anh Đặng Đình T 15.000.000 đồng, anh Nguyễn Cảnh H 40.000.000 đồng, anh Đậu T 25.000.000 đồng. Hiện những người còn chưa trả số tiền gốc cho bị cáo gồm: anh Đậu T (75.000.000 đồng), chị Phạm Thị H (200.000.000 đồng), anh Nguyễn Viết Đ (10.000.000 đồng), anh Nguyễn Văn H (40.000.000 đồng), anh Nguyễn Cảnh H (60.000.000 đồng), anh Nguyễn Quang Th (40.000.000 đồng), anh Nguyễn Phương T (40.000.000 đồng), anh Đặng Hồng S (50.000.000 đồng), chị Lê Thị H (10.000.000 đồng), chị Nguyễn Thị P (10.000.000 đồng).

Số vật chứng bao gồm 01 điện thoại di động hiệu Nokia230 màu đen lắp sim số 0914.603737 + 0988.789767 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy

S8+ màu đồng lắp sim số 0971.789576 đã được cơ quan điều tra chuyển sang cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương bảo quản vào ngày 26/8/2019.

Tại bản cáo trạng số 90/CT-VKS ngày 23/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Nguyễn Thị P về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Thị P thừa nhận trong thời gian từ đầu năm 2018 đến tháng 4/2019 đã cho 23 người vay với tổng số tiền gốc là 1.017.000.000 đồng, mức lãi suất từ 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng đến 4.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Bị cáo cảm thấy hối hận về hành vi vi phạm nên đã tự nguyện trả tiền thu lợi bất chính cho 20 người còn anh Đặng Quang Th, chị Lê Thị H và chị Phạm Thị H thì do bị cáo không thể tiếp cận được họ nên không trả được. Bị cáo thừa nhận cũng đã thu được số tiền nợ gốc 482.000.000 đồng; số nợ gốc còn lại thì những người vay gồm anh Đậu T, chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Viết Đ, anh Nguyễn Cảnh H, anh Nguyễn Văn H, anh Đặng Quang Th, anh Nguyễn Phương T, anh S, chị Lê Thị H, chị Ph chưa trả hết cho bị cáo. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Anh Đậu T có mặt tại phiên tòa, thừa nhận việc vay nợ bị cáo số tiền 100.000.000 đồng nhưng được bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính. Anh T đã trả được 25.000.000 đồng nợ gốc cho bị cáo và còn nợ lại 75.000.000 đồng.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa đã được nhận lại số tiền thu lợi bất chính không có yêu cầu gì về phần dân sự. Riêng Đặng Quang Th, chị Lê Thị H và chị Phạm Thị H vắng mặt chưa được bị cáo trả lại tiền thu lợi bất chính nhưng không có đơn yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và đề nghị:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 30 đến 36 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di động có lắp sim kèm theo liên quan đến hành vi phạm tội; truy thu số tiền gốc là phương tiện phạm tội tại bị cáo P 482.000.000 đồng, anh Đậu T (75.000.000 đồng), chị Phạm Thị H (200.000.000 đồng), anh Nguyễn Viết Đ (10.000.000 đồng), anh Nguyễn Văn H (40.000.000 đồng), anh Nguyễn Cảnh H (60.000.000 đồng), anh Nguyễn Quang Th (40.000.000 đồng), anh Nguyễn Phương T (40.000.000 đồng), anh Đặng Hồng

S (50.000.000 đồng), chị Lê Thị H (10.000.000 đồng), chị Nguyễn Thị Ph (10.000.000 đồng).

Truy thu từ bị cáo số tiền lợi tức phát sinh từ phương tiện phạm tội 58.733.333 đồng.

Đề nghị không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

- Trong quá trình điều tra: Điều tra viên được phân công điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc kiểm tra, xác minh, lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; lập hồ sơ vụ án; hỏi cung bị can; xử lý vật chứng; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn.

- Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Kiểm sát viên đã thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm sát điều tra; tham gia phiên tòa đúng thời gian, địa điểm; công bố bản cáo trạng; tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đồng thời thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án cũng như người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử.

Do các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đều tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên hợp pháp và được sử dụng làm chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Liên tục từ tháng 01/2018 đến tháng 4/2019, tại xã Đ, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Thị P đã dùng tổng số tiền 1.017.000.000 đồng để cho anh Nguyễn Phương T, chị Nguyễn Thị Th, anh Lê Kim Đ, anh Trần Quý H, anh Đinh Xuân T, anh Nguyễn Quang Th, chị Đinh Thị H, anh Đậu T, chị Nguyễn Thị T, chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Viết Đ, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Cảnh H, anh Nguyễn Nguyên D, anh Lê Văn Th, anh Nguyễn Duy V, anh Đặng Hồng S, chị Lê Thị H, anh Nguyễn Trọng D, anh Phan Công H, chị Nguyễn Thị P, anh Đặng Đình T, anh Nguyễn X vay với mức lãi suất 108%/năm, 120%/năm và 144%/năm, cao quá 5 lần mức lãi suất pháp luật cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, để

thu lợi bất chính số tiền 275.726.667 đồng (thu lợi bất chính 22 giao dịch dưới 30.000.000 đồng và 01 giao dịch vượt quá 30.000.000 đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự nên, Hội đồng xét xử chấp nhận xác định tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo theo truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương.

Xét tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm không lớn cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý tài chính của Nhà nước. Trong tình hình hiện nay, hoạt động tín dụng đen đang bùng phát, làm rối loạn trong thị trường tài chính, gây mất ổn định xã hội và tạo ra những hậu quả khó lường cho người vay lẫn người cho vay. Do vậy, cần kịp thời đưa ra xét xử và lên một mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện khắc phục hậu quả là trả lại tiền thu lợi bất chính cho 20 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; thành khẩn khai báo; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án (là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự). Bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng và hiện một mình nuôi 2 con chưa thành niên nên việc buộc bị cáo chấp hành án tại các cơ sở giam giữ sẽ gây ảnh xấu đến sự phát triển bình thường của con chưa thành niên. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng Điều 65 Bộ luật hình sự được cải tạo, giáo dục tại địa phương để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp:

02 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia230 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S8+ màu đồng là công cụ hỗ trợ bị cáo liên lạc để thực hiện việc cho vay – đòi nợ lãi nặng nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Các sim điện thoại số 0914.603737, số 0988.789767, số 0971.789576 lắp gắn trong 2 điện thoại di động không còn giá trị sử dụng cần tiêu hủy. Riêng 07 quyển sổ ghi chép hoạt động cho vay lãi nặng là vật lưu giữ các số liệu có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, cần tiếp tục lưu kèm hồ sơ vụ án.

Số tiền gốc 1.017.000.000 đồng là phương tiện phạm tội và số tiền lãi trong hạn mức 20%/năm là lợi tức phát sinh từ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Bị cáo P đã thu hồi được 482.000.000 đồng tiền gốc và hưởng lợi tiền lãi 58.733.333 đồng phát sinh từ tiền gốc nên cần phải truy thu để sung quỹ nhà nước.

Anh Đậu T, chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Cảnh H, anh Nguyễn Phương T, anh Đặng Quang Th, anh S thừa nhận chưa trả hết tiền gốc cho bị cáo; còn anh Nguyễn Viết Đ, anh Nguyễn Văn H, chị Lê Thị H, chị Ph không cung cấp được tài

liệu thể hiện việc trả nợ gốc đồng thời bị cáo cũng xác định đây là những người chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc cho bị cáo. Vì vậy, cần truy thu số tiền gốc từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang sở hữu để sung quỹ nhà nước, gồm:

- Anh Đậu T 75.000.000 đồng.
- Chị Phạm Thị H 200.000.000 đồng.
- Anh Nguyễn Viết Đ 10.000.000 đồng.
- Anh Nguyễn Văn H 40.000.000 đồng.
- Anh Nguyễn Cảnh H 60.000.000 đồng.
- Anh Nguyễn Quang Th 40.000.000 đồng.
- Anh Nguyễn Phương T 40.000.000 đồng.
- Anh Đặng Hồng S 50.000.000 đồng.
- Chị Lê Thị H 10.000.000 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Ph 10.000.000 đồng.

* Về trách nhiệm dân sự:

Anh Lê Kim Đ, anh Trần Quý H, anh Đặng Đình T, anh Nguyễn Trọng D, anh Nguyễn Nguyên D, anh Phan Công H, anh Nguyễn Duy V, anh Nguyễn Viết Đ, anh Lê Văn Th, anh X, chị Đinh Thị H, chị Ph, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Cảnh H, anh Đinh X T, anh Đậu T, chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn H, anh S, anh Nguyễn Phương Th đã được bị cáo hoàn trả toàn bộ số tiền lãi vượt quá 20%/năm, không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên không xem xét.

Anh Nguyễn Quang Th, chị Phạm Thị H, chị Lê Thị H chưa được nhận số tiền lãi vượt quá 20%/năm nhưng không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không giải quyết mà dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội "**Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự**".

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P **01 (Một)** năm **03 (Ba)** tháng tù nhưng được cho hưởng án treo, thử thách **02** năm **06** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

- Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu vào ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia230 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S8+ màu đồng. Tiêu hủy các sim điện thoại số 0914.603737, số 0988.789767, số 0971.789576 lắp gắn trong 2 điện thoại di động. Vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/8/2019.

+ Tịch thu tiền để sung vào ngân sách nhà nước:

Từ bị cáo P số tiền 540.733.333 đồng (gồm 482.000.000 đồng tiền gốc sử dụng vào mục đích cho vay lãi nặng và tiền lợi tức phát sinh từ tiền gốc cho vay 58.733.333 đồng).

Từ anh Đậu T số tiền gốc 75.000.000 đồng.

Từ chị Phạm Thị H số tiền gốc 200.000.000 đồng.

Từ anh Nguyễn Viết Đ số tiền gốc 10.000.000 đồng.

Từ anh Nguyễn Văn H số tiền gốc 40.000.000 đồng.

Từ anh Nguyễn Cảnh H số tiền gốc 60.000.000 đồng.

Từ anh Nguyễn Quang Th số tiền gốc 40.000.000 đồng.

Từ anh Nguyễn Phương T số tiền gốc 40.000.000 đồng.

Từ anh Đặng Hồng S số tiền gốc 50.000.000 đồng.

Từ chị Lê Thị H số tiền gốc 10.000.000 đồng.

Từ chị Nguyễn Thị Ph số tiền gốc 10.000.000 đồng.

- Về án phí: áp dụng Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Đô Lương;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Người có QL và NVLQ;
- CQĐT Công an huyện Đô Lương;
- CQTHAHS huyện Đô Lương;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Thắm